

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VDF

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đã được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT (NVT)

MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 20
Báo cáo tình hình tài chính	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 18
Phụ lục 01: Bảng cân đối phát sinh tài khoản	19 - 20

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF

Tầng 9 Tòa nhà Lilama 10, 56 đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VDF

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110561953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/12/2023. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 18.000.000.000 đồng.

Vốn thực góp của Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024: 18.000.000.000 đồng; tương đương 1.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 9 Tòa nhà Lilama 10, 56 đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Bổ nhiệm/Miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Việt Sơn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/03/2024
Ông Trần Hữu Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/03/2024
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/03/2024
Bà Bùi Thị Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/03/2024
Ông Tăng Văn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/03/2024

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Bổ nhiệm/Miễn nhiệm</i>
Ông Trần Hữu Quân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/03/2024
Bà Vũ Thị Thảo Hiền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/03/2024
Ông Trần Quang Khải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/03/2024
Ông Trần Quang Nhật	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/03/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Bổ nhiệm/Miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Văn Hiến	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06/03/2024
Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/03/2024
Ông Nguyễn Đình Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/03/2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là ông Trần Hữu Quân, chức danh Giám đốc. Đồng thời ông Trần Hữu Quân cũng là người ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

T.M. Ban Giám đốc

Giám đốc



Trần Hữu Quân

2025
CÔNG
TNI
IEM
AN T
PH
1108
CÔNG
CỔ P
IỀU T
HẬT T
VD
PHC

Số: 0103.01/2025/BCTC-NTV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF được lập ngày 16 tháng 04 năm 2025, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam vừa và nhỏ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF cho kỳ kế toán từ ngày 05/12/2023 đến ngày 31/12/2023 chưa được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Thị Lan Hương

GCNĐKHN kiểm toán số: 3509-2025-124-1

Nguyễn Thị Vân Anh

GCNĐKHN kiểm toán số: 6023-2023-124-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.301.328.801	3.923.002.301
III. Các khoản phải thu	130	V.2	3.316.263.320	-
1. Phải thu của khách hàng	131		181.019.741	-
2. Trả trước cho người bán	132		2.055.902.068	-
3. Phải thu khác	134		1.079.341.511	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	318.874.276	-
1. Hàng tồn kho	141		318.874.276	-
V. Tài sản cố định	150	V.4	9.167.313.756	-
- Nguyên giá	151		9.649.803.948	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(482.490.192)	-
VII. Xây dựng cơ bản dở dang	170	V.5	9.974.316	-
VIII. Tài sản khác	180		734.455.486	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		639.506.244	-
2. Tài sản khác	182	V.6	94.949.242	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		21.848.209.955	3.923.002.301

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
I. Nợ phải trả	300		2.987.213.618	460
1. Phải trả người bán	311	V.7	337.510.800	-
2. Người mua trả tiền trước	312	V.7	2.003.068.495	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	316.488.253	460
4. Phải trả người lao động	314		326.937.424	-
5. Phải trả khác	315	V.7	3.208.646	-
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.9.	18.860.996.337	3.923.001.841
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	3.923.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		860.996.337	1.841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		21.848.209.955	3.923.002.301

Người lập



Đồng Thanh Thủy

Phụ trách kế toán



Đồng Thanh Thủy



Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

Giám đốc

Trần Hữu Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.413.117.879	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.480.696.432)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(875.387.383)	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(460)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		485.587.818	3.365.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(712.100.755)	(3.365.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		830.520.667	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.725.888.982)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		196.694.815	2.301
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.529.194.167)	2.301
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		14.077.000.000	3.923.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.077.000.000	3.923.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.378.326.500	3.923.002.301
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.923.002.301	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.301.328.801	3.923.002.301

Người lập



Đồng Thanh Thủy

Phụ trách kế toán



Đồng Thanh Thủy



Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

Giám đốc

Trần Hữu Quân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.240.506.930	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	3.240.506.930	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.956.161.198	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.284.345.732	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	196.604.815	2.301
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.5	445.569.742	-
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.035.470.805	2.301
10. Thu nhập khác	31	VI.6	40.772.324	-
11. Chi phí khác	32		7	-
12. Lợi nhuận khác	40		40.772.317	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.076.243.122	2.301
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	215.248.626	460
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		860.994.496	1.841

Người lập



Đồng Thanh Thủy

Phụ trách kế toán



Đồng Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

Giám đốc



Trần Hữu Quân



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VDF được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110561953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/12/2023. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 18.000.000.000 đồng.

Vốn thực góp của Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024: 18.000.000.000 đồng, tương đương 1.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 9 Tòa nhà Lilama 10, 56 đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác và kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Dịch vụ cho thuê hệ thống điện mặt trời áp mái;
- Dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Dịch vụ thiết kế chuyên dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 27 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2023 là 2 nhân viên).

II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản ký quỹ, ký cược được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng hợp đồng, kỳ hạn, loại nguyên tệ khi ký quỹ, ký cược.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Khi xuất kho, giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 10 năm

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được cân cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

9. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

11. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam yêu cầu phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	3.491.358.154	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.276.292.931	3.002.301
Các khoản tương đương tiền	3.533.677.716	3.920.000.000
	8.301.328.801	3.923.002.301

(*) Tại 31/12/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội, lãi suất 3,4%/năm.

2. Các khoản phải thu

a) Phải thu của khách hàng

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại Nam Ninh	40.113.769	-
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ du lịch Đất cảng 1.2.3	39.730.246	-
- Công ty TNHH Quản lý dịch vụ đường cao tốc Hải Dương	101.175.726	-
	181.019.741	-

b) Trả trước cho người bán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng- FACCO	56.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ thương mại Nguyễn Vũ	1.730.155.666	-
- Công ty TNHH MTV Tư vấn kiến trúc xây dựng Việt Đức	269.746.402	-
	2.055.902.068	-

c) Phải thu khác

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (**)	237.972.660	-
Phải thu khác	841.368.851	-
	1.079.341.511	-

(**) Đây là khoản ký quỹ cho bảo lãnh thực hiện hợp đồng của gói thầu BT06-XI tại Ngân hàng TMCP Quân đội.

3. Hàng tồn kho

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	318.874.276	-
	318.874.276	-

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024: 0 đồng.
- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 đồng.

4. Tăng, giảm tài sản cố định

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
	VND	VND	VND	VND
TSCĐ hữu hình				
Nguyên giá	-	9.649.803.948	-	9.649.803.948
Giá trị hao mòn lũy kế	-	(482.490.192)	-	(482.490.192)
Giá trị còn lại	-			9.167.313.756

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

5. Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	9.974.316	-
<i>Mở rộng trạm dịch vụ V32</i>	9.974.316	-
	9.974.316	-

6. Tài sản khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí trả trước	94.949.242	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	27.803.409	-
+ Công cụ dụng cụ	803.409	-
+ Chi phí trả trước khác (chi phí thuê cộng tác viên, ...)	27.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn	67.145.833	-
+ Công cụ dụng cụ	64.708.333	-
+ Chi phí trả trước khác (chữ ký số, ...)	2.437.500	-
	94.949.242	-

7. Các khoản phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Phải trả người bán		
- Công ty TNHH Trọng Cường 68	337.510.800	-
	337.510.800	-
b) Người mua trả tiền trước		
- Tổng công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam	216.275.660	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng 703	862.000.000	-
- Chi nhánh Tổng công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam	924.792.835	-
	2.003.068.495	-
c) Phải trả khác		
Bảo hiểm xã hội	2.255.526	-
Bảo hiểm y tế	398.034	-
Bảo hiểm thất nghiệp	176.904	-
Chi phí phải trả khác	378.182	-
	3.208.646	-

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cuối năm VND
Phải nộp:				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	112.988.515	11.748.888	101.239.627
Thuế thu nhập doanh nghiệp	460	215.248.626	460	215.248.626
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	460	331.237.141	14.749.348	316.488.253

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm	3.923.000.000	1.841	3.923.001.841
Tăng trong năm	14.077.000.000	-	14.077.000.000
Lãi trong năm	-	860.994.496	860.994.496
Số dư cuối năm	18.000.000.000	860.996.337	18.860.996.337

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Trần Hữu Quân	6,49%	1.168.000.000	4,28%	168.000.000
Bà Vũ Thị Thảo Hiền	3,50%	630.000.000	3,82%	150.000.000
Các cổ đông khác	90,01%	16.202.000.000	91,89%	3.605.000.000
	100%	18.000.000.000	100%	3.923.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.000.000.000	3.923.000.000
- Vốn góp đầu năm	3.923.000.000	-
- Vốn góp tăng trong năm	14.077.000.000	3.923.000.000
- Vốn góp cuối năm	18.000.000.000	3.923.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.240.506.930	-
	3.240.506.930	-

2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.240.506.930	-
	3.240.506.930	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.956.161.198	-
	1.956.161.198	-

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	196.694.815	2.301
	196.694.815	2.301

5. Chi phí quản lý kinh doanh

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	120.955.548	-
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.449.644	-
Các khoản chi phí bằng tiền khác	1.164.550	-
	445.569.742	-

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bồi thường bảo hiểm tổn thất sau bão	35.757.488	-
Thu nhập khác (Phụ chuyển nhượng vốn,...)	5.014.836	-
	40.772.324	-

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	406.511.104	-
Chi phí mua ngoài	2.309.929.562	-
Chi phí bằng tiền khác	4.164.550	-
	2.720.605.216	-

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.076.243.122	2.301
Các khoản điều chỉnh tăng	7	-
- Chi phí không được trừ	7	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.076.243.129	2.301
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất 20%	215.248.626	460
Chi phí thuế TNDN hiện hành	215.248.626	460
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	460	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(460)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	215.248.626	460

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Nghệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Trần Hữu Quân	Thành viên HĐQT/Giám đốc	Góp vốn	1.000.000.000	168.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	Góp vốn	500.000.000	-
Bà Bùi Thị Quỳnh	Thành viên HĐQT	Góp vốn	115.000.000	-
Ông Tăng Văn Dũng	Thành viên HĐQT	Góp vốn	115.000.000	-
Bà Vũ Thị Thảo Hiền	Phó Giám đốc	Góp vốn	480.000.000	150.000.000
Ông Trần Quang Khải	Phó Giám đốc	Góp vốn	300.000.000	-
Ông Trần Quang Nhật	Phó Giám đốc	Góp vốn	515.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hiền	Trưởng ban Kiểm soát	Góp vốn	115.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Thành	Thành viên ban Kiểm soát	Góp vốn	15.000.000	-

Thu nhập của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Giám đốc	23.333.333	-
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	81.444.445	-

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 03 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 được công ty lập và đã nộp cho Cơ quan thuế ngày 27/03/2024.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động.

Người lập


Đồng Thanh Thủy

Phụ trách kế toán


Đồng Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025
Giám đốc

Trần Hữu Quân

PHỤ LỤC 01: BẢNG CÂN PHÁT SINH TÀI KHOẢN

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Tài khoản	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1111	Tiền Việt Nam	0	0	8.584.969.600	5.093.611.446	3.491.358.154	0
112111	Tiền Việt Nam - Ngân hàng MBbank - Chi nhánh Hoài Đức - TKTT1	3.002.301	0	25.535.720.131	24.264.637.456	1.274.084.976	0
112121	Tiền Việt Nam - Ngân hàng VCB Đồng Đô - TKTT	0	0	170.088.505	167.880.550	2.207.955	0
12811	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	3.920.000.000	0	10.113.677.716	10.500.000.000	3.533.677.716	0
13111	Phải thu của khách hàng NH: HDKD	0	0	2.591.069.125	4.413.117.879	181.019.741	2.003.068.495
13311	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ trong nước	0	0	836.727.014	197.220.770	639.506.244	0
13861	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược NH	0	0	237.972.660	0	237.972.660	0
13881	Phải thu khác NH	0	0	851.768.851	10.400.000	841.368.851	0
1411	Tạm ứng NH	0	0	543.987.600	543.987.600	0	0
153	Công cụ, dụng cụ	0	0	73.804.545	73.804.545	0	0
15421	Chi phí nhân công trực tiếp theo từng Hợp đồng	0	0	1.152.621.571	867.066.015	285.555.556	0
15422	Chi phí nhân công trực tiếp chung cho các hợp đồng	0	0	79.207.117	79.207.117	0	0
15441	Chi phí sản xuất chung cho từng hợp đồng	0	0	1.122.413.903	1.089.095.183	33.318.720	0
15442	Chi phí sản xuất chung cho các hợp đồng chung	0	0	54.127.289	54.127.289	0	0
156	Hàng hóa	0	0	71.277.000	71.277.000	0	0
2111	TSCĐ hữu hình	0	0	9.649.803.948	0	9.649.803.948	0
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	0	0	0	482.490.192	0	482.490.192
24121	Chi phí xây lắp	0	0	9.224.596.170	9.224.596.170	0	0
24122	Chi phí tư vấn	0	0	211.111.111	211.111.111	0	0
241241	Lương, thưởng, phụ cấp	0	0	175.666.667	175.666.667	0	0
241242	Chi phí quản lý chung	0	0	9.974.316	0	9.974.316	0
24125	Chi phí khác	0	0	38.430.000	38.430.000	0	0
2421	Chi phí trả trước NH	0	0	30.213.636	2.410.227	27.803.409	0
2422	Chi phí trả trước DH	0	0	73.590.909	6.445.076	67.145.833	0
33111	Phải trả cho người bán NH: HDKD	0	0	12.718.298.851	10.999.907.583	2.055.902.068	337.510.800
33311	Thuế GTGT đầu ra	0	0	197.220.770	197.220.770	0	0
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	460	460	215.248.626	0	215.248.626

PHỤ LỤC 01: BẢNG CÂN PHÁT SINH TÀI KHOẢN
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Tài khoản	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
3335	Thuế thu nhập cá nhân	0	0	11.748.888	112.988.515	0	101.239.627
33382	Các loại thuế khác	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
334	Phải trả người lao động	0	0	1.147.404.644	1.474.342.068	0	326.937.424
3351	Chi phí phải trả NH	0	0	38.630.000	39.008.182	0	378.182
3383	Bảo hiểm xã hội	0	0	0	2.255.526	0	2.255.526
3384	Bảo hiểm y tế	0	0	0	398.034	0	398.034
3385	Bảo hiểm thất nghiệp	0	0	0	176.904	0	176.904
33881	Phải trả, phải nộp khác/NH	0	0	2.991.607	2.991.607	0	0
41111	Vốn góp của chủ sở hữu	0	3.923.000.000	0	14.077.000.000	0	18.000.000.000
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	0	1.841	0	0	0	1.841
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	0	0	423.351.236	1.284.345.732	0	860.994.496
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0	3.240.506.930	3.240.506.930	0	0
5151	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	0	0	196.694.815	196.694.815	0	0
6323	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	0	0	1.956.161.198	1.956.161.198	0	0
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0	0	445.569.742	445.569.742	0	0
7118	Các khoản khác	0	0	40.772.324	40.772.324	0	0
8113	Các khoản bị phạt	0	0	7	7	0	0
8211	Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	0	0	215.248.626	215.248.626	0	0
911	Xây dựng kết quả kinh doanh	0	0	3.901.325.305	3.901.325.305	0	0
Cộng		3.923.002.301	3.923.002.301	95.971.744.787	95.971.744.787	22.330.700.147	22.330.700.147

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc


Đồng Thanh Thủy


Đồng Thanh Thủy



Trần Hữu Quân